

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số: 1027/QĐ-CDCT

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp học bổng khuyến khích học tập của học kỳ 2,
năm học 2024 – 2025 cho sinh viên khóa 46, khóa 47 và khóa 48**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều Luật giáo dục;

Căn cứ vào Quyết định số 1153/QĐ-CDCT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên;

Xét Biên bản họp ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên chính quy năm học 2024 - 2025; và theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập của học kỳ 2, năm học 2024 - 2025 cho **629** sinh viên khóa 46, khóa 47 và khóa 48 thuộc các khoa chuyên ngành, cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị	Tổng số SV đạt học bổng	Loại học bổng		
			Xuất sắc	Giỏi	Khá
1	Khoa Cơ khí	122	1	40	81
2	Khoa Công nghệ thông tin	66	2	40	24
3	Khoa Điện, Điện tử	79	0	31	48
4	Khoa Công nghệ thời trang	19	0	10	9
5	Khoa Du lịch	84	0	50	34
6	Khoa Kinh tế tài chính	108	8	74	26
7	Khoa Quản trị kinh doanh	118	2	77	39
8	Khoa Ngoại ngữ	33	4	17	12
Tổng cộng		629	17	339	273

(có danh sách sinh viên kèm theo).

Điều 2. Nguồn kinh phí từ Quỹ học bổng khuyến khích học tập năm học 2024 - 2025 của Nhà trường.

Tổng số tiền cấp học bổng: **3.918.002.500 đồng.**

(*Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm mười tám triệu, không trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng.*)

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Vũ Vượng



BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	0	5.775.000	2	5.500.000	2	-	-	11.000.000	11.000.000
2	Khóa 47	1	5.775.000	35	5.512.500	24	5.250.000	60	5.775.000	192.937.500	126.000.000	324.712.500
3	Khóa 48	1	6.765.000	42	6.457.500	13	6.150.000	56	6.765.000	271.215.000	79.950.000	357.930.000
	Tổng cộng	2		77		39		118	12.540.000	464.152.500	216.950.000	693.642.500

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

Ths. Trần Vũ Vương

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 46															11.000.000	
	Ngành Quản trị kinh doanh + QTKD XNK															11.000.000	
1	2122120120	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	24/12/2003	CCQ2212D	22	22	6,92	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
2	2122200179	Phan Huỳnh Thanh	Loan	15/07/2004	CCQ2220F	23	23	7,63	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
	Khóa 47															324.712.500	
	Ngành Quản trị kinh doanh+QTKD XNK															308.175.000	
1	2123120247	Cao Thị Hồng	Tú	20/07/2002	CCQ2312E	22	22	8.91	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123120306	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	29/09/2003	CCQ2312F	19	19	8.85	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123120599	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/08/2005	CCQ2312J	16	16	8.74	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123120155	Nguyễn Hoàng	Phúc	07/10/2005	CCQ2312C	20	20	8.72	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123120597	Phạm Nguyễn Hà	Vy	14/04/2005	CCQ2312J	19	19	8.6	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123120195	Phạm Hoàng	Phúc	22/01/2005	CCQ2312D	20	20	8.59	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123120600	Bùi Thanh	Khải	02/01/2005	CCQ2312J	19	19	8.55	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123120162	Trương Thục	Linh	20/09/2005	CCQ2312C	25	25	8.33	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123120005	Nguyễn Thị Ngọc	Hơn	04/04/2003	CCQ2312A	17	17	8.32	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123120699	Trần Thị Quỳnh	Ngân	13/11/2005	CCQ2312L	21	21	8.25	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 46															11.000.000	
	Ngành Quản trị kinh doanh + QTKD XNK															11.000.000	
1	2122120120	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	24/12/2003	CCQ2212D	22	22	6,92	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
2	2122200179	Phan Huỳnh Thanh	Loan	15/07/2004	CCQ2220F	23	23	7,63	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
	Khóa 47															324.712.500	
	Ngành Quản trị kinh doanh+QTKD XNK															308.175.000	
1	2123120247	Cao Thị Hồng	Tú	20/07/2002	CCQ2312E	22	22	8.91	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123120306	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	29/09/2003	CCQ2312F	19	19	8.85	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123120599	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/08/2005	CCQ2312J	16	16	8.74	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123120155	Nguyễn Hoàng	Phúc	07/10/2005	CCQ2312C	20	20	8.72	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123120597	Phạm Nguyễn Hà	Vy	14/04/2005	CCQ2312J	19	19	8.6	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123120195	Phạm Hoàng	Phúc	22/01/2005	CCQ2312D	20	20	8.59	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123120600	Bùi Thanh	Khải	02/01/2005	CCQ2312J	19	19	8.55	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123120162	Trương Thục	Linh	20/09/2005	CCQ2312C	25	25	8.33	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123120005	Nguyễn Thị Ngọc	Hơn	04/04/2003	CCQ2312A	17	17	8.32	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123120699	Trần Thị Quỳnh	Ngân	13/11/2005	CCQ2312L	21	21	8.25	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2123120108	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/01/2001	CCQ2312C	20	20	8.23	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
12	2123120608	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	31/03/2005	CCQ2312K	21	21	8.18	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
13	2123120361	Nguyễn Quốc	Anh	29/08/2005	CCQ2312G	21	21	8.17	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
14	2123120176	Lê Phát	Tài	14/02/2005	CCQ2312D	20	20	8.12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
15	2123120104	Nguyễn Huỳnh	Như	24/10/2005	CCQ2312C	20	20	8,1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
16	2123120658	Võ Thanh	Tuyền	29/06/2005	CCQ2312K	21	21	8,09	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
17	2123120469	Nông Thị Quế	Anh	26/03/2004	CCQ2312I	19	19	8,01	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
18	2123120685	Đặng Thị	Lợi	26/06/2004	CCQ2312D	23	23	7,98	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
19	2123120183	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	01/03/2005	CCQ2312D	25	25	7,97	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
20	2123120684	Nguyễn Đào Hoàng	Trần	12/12/2005	CCQ2312L	21	21	7,97	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
21	2123120616	Trần Long	Âu	20/04/2005	CCQ2312K	21	21	7,96	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
22	2123120027	Trương Thị Thu	Hà	06/01/2004	CCQ2312A	17	17	7,94	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
23	2123120122	Huỳnh Ngọc Thảo	Vi	01/01/2005	CCQ2312C	20	20	7,92	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
24	2123120129	Trần Phạm Gia	Hân	06/10/2005	CCQ2312C	20	20	7,88	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
25	2123120471	Nguyễn Ngọc	Hân	04/05/2003	CCQ2312I	22	22	7,88	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
26	2123120214	Lửa Nông Minh	Triều	07/01/2005	CCQ2312D	23	23	7,87	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
27	2123120263	Nguyễn Huỳnh Thu	Duyên	08/03/2005	CCQ2312E	24	24	7,86	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
28	2123120517	Nguyễn Hữu	Khải	26/12/2005	CCQ2312I	16	16	7,84	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
29	2123120333	Lê Thị Huyền	Trần	21/02/2005	CCQ2312F	24	24	7,8	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
30	2123120319	Bùi Thị Mỹ	Yến	26/08/2005	CCQ2312F	25	25	7,72	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
31	2123120649	Nguyễn Thị	Mỹ	26/01/2005	CCQ2312K	24	24	7,66	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
32	2123200142	Nguyễn Thị	Chung	19/03/2004	CCQ2320B	20	20	9.08	Xuất sắc	100	XS	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
33	2123200476	Trần Thị Mỹ	Ngọc	30/05/2004	CCQ2320F	20	20	8,96	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
34	2123200036	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	13/08/1994	CCQ2320A	20	20	8.86	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
35	2123200481	Phạm Quỳnh Trúc	Như	21/09/2003	CCQ2320F	20	20	8.85	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
36	2123200578	Lê Trần Hạ	Vy	08/06/2005	CCQ2320A	20	20	8.68	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
37	2123200184	Thái Nhật	Hà	25/03/2000	CCQ2320B	20	20	8.64	Giỏi	90	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
38	2123200620	Trần Hồ Anh	Tuấn	15/01/2005	CCQ2320G	20	20	8.49	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
39	2123200454	Trần Thị Trà	My	23/08/2005	CCQ2320E	20	20	8.44	Giỏi	95	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
40	2123200696	Trần Thị Thu	Hiền	10/06/2005	CCQ2320G	16	16	8.44	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
41	2123200128	Nguyễn Thị Cẩm	Giàu	15/04/2005	CCQ2320B	20	20	8.41	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
42	2123200656	Nguyễn Thị Kim	Hoa	17/01/2005	CCQ2320G	20	20	8.31	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
43	2123200482	Nguyễn Thị Yến	Nhi	08/01/2005	CCQ2320F	20	20	8.21	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
44	2123200081	Nguyễn Bá	Tài	14/09/2004	CCQ2320A	20	20	8.18	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
45	2123200112	Lâm Thuỷ	Tiên	24/12/2005	CCQ2320A	20	20	8.15	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
46	2123200592	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	07/12/2005	CCQ2320G	20	20	8.15	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
47	2123200305	Hà Thu	Hoài	05/04/2005	CCQ2320C	20	20	8.13	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
48	2123200449	Tổng Thị	My	17/03/2005	CCQ2320E	20	20	8,03	Giỏi	74	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
49	2123200457	Trần Thị Ngọc	Trinh	21/06/2005	CCQ2320E	20	20	7,94	Khá	74	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
50	2123200366	Đỗ Gia	Hân	27/05/2005	CCQ2320D	20	20	7,89	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
51	2123200091	Trịnh Kim	Ngân	16/03/2005	CCQ2320A	23	23	7,84	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
52	2123200125	Nguyễn Thị	Định	22/12/2005	CCQ2320B	18	18	7,83	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
53	2123200501	Phan Mai Thanh	Thúy	22/11/2004	CCQ2320F	20	20	7,83	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
54	2123200414	Đàm Thị Mỹ	Duyên	10/03/2005	CCQ2320E	20	20	7,82	Khá	76	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
55	2123200356	Dương Thị Cẩm	Tiên	16/11/2005	CCQ2320D	23	23	7,76	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
56	2123200245	Bùi Thị Phương Hồ	Chung	26/10/2005	CCQ2320C	20	20	7,73	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
57	2123200625	Phan Thị Hồng	Tuyến	17/10/2005	CCQ2320G	20	20	7,67	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Ngành Thương mại điện tử																16.537.500	
1	2123310025	Phan Ngọc Thanh	Tuyến	27/03/2004	CCQ2331A	21	21	8.24	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123310055	Phan Trường	Thịnh	29/11/2002	CCQ2331B	18	18	8,17	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123310005	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/05/2005	CCQ2331A	18	18	8,04	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
Khóa 48																357.930.000	
Ngành Quản trị kinh doanh																154.057.500	
1	2124120002	Hà Thị	Hồng	26/12/2005	CCQ2412A	19	19	9.06	Xuất sắc	95	XS	Đạt	Xuất sắc	1.230.000	5	6.765.000	
2	2124120003	Đỗ Thành	Huy	08/01/2002	CCQ2412A	19	19	8.86	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124120025	Ngô Ngọc Anh	Thư	23/09/2006	CCQ2412A	19	19	8.85	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124120005	Nguyễn Thị Yên	Nhi	17/03/2002	CCQ2412A	19	19	8.72	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124120019	Dương Hồng	Đào	27/04/2001	CCQ2412A	19	19	8.66	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124120182	Lê Mỹ	Hiền	02/02/2006	CCQ2412F	19	19	8.62	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124120258	Lê Vũ Tường	Vy	01/10/2006	CCQ2412C	19	19	8.52	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124120235	Huỳnh Thanh	Hiền	23/04/2005	CCQ2412G	19	19	8.48	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124120009	Phùng Thị	Hương	16/08/2004	CCQ2412A	19	19	8.46	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124120026	Đỗ Thị Thanh	Huyền	24/07/2006	CCQ2412A	19	19	8.4	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
11	2124120193	Trần Thị Ngọc	Hạnh	01/08/2005	CCQ2412F	19	19	8.33	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124120008	Đặng Thị Cẩm	Huyền	01/07/2006	CCQ2412A	19	19	8.3	Giỏi	83	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
13	2124120248	Chu Thị Thanh	Thủy	19/04/2006	CCQ2412G	19	19	8,28	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
14	2124120219	Đinh Thụy	Thảo	30/10/2006	CCQ2412G	19	19	8,27	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
15	2124120190	Nguyễn Thanh Trúc	Linh	12/08/2006	CCQ2412F	19	19	8,26	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
16	2124120024	Phạm Thị Thanh	Nhàn	12/02/2006	CCQ2412A	19	19	8,17	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
17	2124120247	Lê Thị	Phượng	15/07/2006	CCQ2412G	19	19	8,16	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
18	2124120010	Nguyễn Thị Kiều	Anh	02/03/2006	CCQ2412A	19	19	8,09	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
19	2124120138	Võ Thái Hồng	Đan	27/11/2006	CCQ2412D	19	19	8,06	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
20	2124120139	Hồ Hoài	Linh	17/05/2006	CCQ2412D	19	19	8,05	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
21	2124120027	Nguyễn Thị Kiều	Hoanh	06/08/2006	CCQ2412A	19	19	8,02	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
22	2124120255	Trần Nguyễn Thảo	Vy	04/10/2006	CCQ2412G	19	19	8,02	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
23	2124120214	Nguyễn Ánh	Tuyết	11/04/2006	CCQ2412F	19	19	7,99	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
24	2124120064	Huỳnh Thị Mỹ	Thương	15/11/2004	CCQ2412B	19	19	7,98	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
Ngành Thương mại điện tử																116.235.000	
1	2124310002	Võ Thành	Dinh	01/08/2004	CCQ2431A	20	20	8.82	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124310075	Hồ Thị Thuý	Tiên	20/04/2005	CCQ2431C	20	20	8.82	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124310003	Đặng Hữu	Kha	07/08/2005	CCQ2431A	20	20	8.66	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124310082	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	09/01/2006	CCQ2431C	20	20	8.61	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124310037	Dương Trùng	Dương	22/08/2004	CCQ2431B	20	20	8.6	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124310144	Nguyễn Ngọc	Tuyền	15/04/2001	CCQ2431D	20	20	8.55	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124310103	Trần Thị	Vân	24/09/2005	CCQ2431A	20	20	8.47	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124310036	Tăng Minh	Thông	10/10/2003	CCQ2431B	20	20	8.44	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124310033	Nguyễn Thùy	Dương	19/09/2006	CCQ2431A	20	20	8.43	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124310138	Nguyễn Thị Như	Ý	11/05/2006	CCQ2431D	20	20	8,41	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2124310015	Lê Khả	Vy	18/08/2006	CCQ2431A	20	20	8,36	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124310007	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	30/04/2002	CCQ2431A	20	20	8,26	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
13	2124310089	Mai Nguyễn Thuý	Vi	23/09/2005	CCQ2431C	20	20	8,22	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
14	2124310120	Nguyễn Thị Kim	Châu	06/05/2006	CCQ2431D	20	20	8,16	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
15	2124310133	Bùi Thị Mỹ	Tâm	26/08/2006	CCQ2431D	20	20	8,15	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
16	2124310088	Trần Lê Thùy	Triều	31/07/2006	CCQ2431C	20	20	8,12	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
17	2124310035	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	28/08/2006	CCQ2431A	20	20	8,11	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
18	2124310072	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/07/2005	CCQ2431C	20	20	8,11	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
Ngành Kinh doanh xuất nhập khẩu																87.637.500	
1	2124320127	Trần Thị Bích	Trâm	25/02/2006	CCQ2432C	21	21	8.44	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124320016	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	26/01/2005	CCQ2432A	21	21	8.41	Giỏi	82	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124320021	Huỳnh Trần Mỹ	Tiên	25/07/2005	CCQ2432A	21	21	8.4	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124320085	Trần Lê Anh	Thư	25/09/2004	CCQ2432C	21	21	8.33	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
5	2124320063	Nguyễn Hồng	Phương	07/01/2006	CCQ2432B	21	21	8.13	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124320087	Mai Thị Bình	Yên	11/10/2005	CCQ2432C	21	21	8.01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124320109	Trần Châu	Tuấn	18/11/2006	CCQ2432C	21	21	7.96	Khá	100	XS	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
8	2124320112	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	24/10/2006	CCQ2432C	21	21	7,9	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
9	2124320106	Nguyễn Trà	My	17/05/2006	CCQ2432C	21	21	7,8	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
10	2124320048	Huỳnh Thị Mỹ	Lợi	01/12/2006	CCQ2432B	21	21	7,77	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
11	2124320023	Lương Thị Ngọc	Anh	15/08/2006	CCQ2432A	21	21	7,75	Khá	74	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
12	2124320144	Lê Thị Anh	Thư	30/09/2006	CCQ2432B	21	21	7,73	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124320108	Phan Kim	Ngân	23/01/2006	CCQ2432C	21	21	7,71	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
14	2124320131	Đinh Thị Thảo	Vy	06/02/2006	CCQ2432C	21	21	7,69	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
		TỔNG CỘNG	118													693.642.500	

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	2	2
Khóa 47	1	35	24	60
Khóa 48	1	42	13	56
Tổng cộng	2	77	39	118

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Phạm Thị Thu Hiền


Lê Quang Vinh


Lê Thị Tâm




Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CƠ KHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.600.000	1	6.300.000	2	6.000.000	3	-	6.300.000	12.000.000	18.300.000
2	Khóa 47	0	6.380.000	19	6.090.000	35	5.800.000	54	-	115.710.000	203.000.000	318.710.000
3	Khóa 48	1	7.535.000	20	7.192.500	44	6.850.000	65	7.535.000	143.850.000	301.400.000	452.785.000
	Tổng cộng	1		40		81		122	7.535.000	265.860.000	516.400.000	789.795.000

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

Ths. Trần Vũ Vượng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CƠ KHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46																18.300.000	
Ngành CNKT Cơ khí																12.000.000	
1	2122030016	Phan Bảo	An	04/10/2004	CCQ2203A	21	21	6,94	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
2	2122030072	Nguyễn Quốc	Điện	07/10/2004	CCQ2203C	15	15	6,89	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
Ngành Công nghệ chế tạo máy																6.300.000	
1	2122040019	Phạm Vũ	Thắng	11/10/2004	CCQ2204A	15	15	8,28	Giỏi	91	XS	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	6.300.000	
Khóa 47																318.710.000	
Ngành CNKT Cơ khí																71.920.000	
1	2123030101	Nguyễn Duy	Lân	14/04/2005	CCQ2303C	21	21	8,39	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123030215	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/04/2005	CCQ2303E	21	21	8,21	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123030239	Lê Minh	Luân	01/12/2005	CCQ2303G	23	23	8,17	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123030120	Lưu Hoàng	Nhi	11/01/2005	CCQ2303D	18	18	8,13	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
5	2123030240	Nguyễn Văn	Hiệp	17/02/2005	CCQ2303G	23	23	8,1	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
6	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	CCQ2303E	18	18	8,06	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
7	2123030225	Phan Trung	Hậu	12/07/2005	CCQ2303G	23	23	8,06	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
8	2123030230	Nguyễn Văn	Cường	10/07/2005	CCQ2303G	23	23	8,04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
9	2123030191	Lê Tuấn	Kiệt	26/08/2004	CCQ2303F	16	16	8,18	Giỏi	70	70	Khá	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
10	2123030011	Trần Nhật	Long	08/05/2005	CCQ2303A	21	21	7,96	Khá	70	70	Khá	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
11	2123030234	Nông Duy	Khánh	04/02/2005	CCQ2303G	23	23	7,9	Khá	70	70	Khá	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
12	2123030190	Đặng Phúc	Kính	20/03/2005	CCQ2303F	18	18	7,84	Khá	70	70	Khá	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành Công nghệ chế tạo máy																29.870.000	
1	2123040044	Hồ Văn	Mạnh	02/03/2004	CCQ2304B	16	16	8,16	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123040057	Đỗ Anh	Tuấn	15/02/2005	CCQ2304B	21	21	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123040063	Trương Công	Huy	07/09/2005	CCQ2304B	24	24	8,1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123040068	Nguyễn Quang	Trường	08/04/2005	CCQ2304B	21	21	7,83	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123040012	Trần Nhật	Tài	26/03/2005	CCQ2304A	24	24	7,7	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành CNKT Cơ điện tử																42.340.000	
1	2123140100	Trần Văn Phước	Thành	04/11/2005	CCQ2314C	20	20	8,9	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123140038	Vũ Minh	Thuận	14/03/2005	CCQ2314B	20	20	8,76	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A	17	17	8,64	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123140028	Lê Văn	Của	01/12/2004	CCQ2314A	20	20	8,64	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
5	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A	20	20	8,51	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
6	2123140064	Nguyễn Công	Cương	01/02/2005	CCQ2314B	17	17	8,48	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
7	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	28/07/2005	CCQ2314C	17	17	8,46	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
Ngành CNKT Ô tô																174.580.000	
1	2123170472	Trịnh Chí	Hương	26/09/2005	CCQ2317N	16	16	8,51	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123170228	Trần Quốc	Toản	07/03/2005	CCQ2317G	16	16	8,28	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
3	2123170056	Hà Sơn	Tường	07/06/2003	CCQ2317B	16	16	8,2	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
4	2123170344	Nguyễn Văn Kh	Nguyên	22/10/2005	CCQ2317J	16	16	8,19	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
5	2123170469	Nguyễn Tuấn	Khôi	18/09/2005	CCQ2317N	16	16	8,11	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
6	2123170325	Nguyễn Võ Văn	Thân	24/01/2005	CCQ2317J	15	15	8,02	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
7	2123170473	Phạm Gia	Huân	31/08/2005	CCQ2317N	16	16	7,97	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
8	2123170259	Dươn Si	Phon	14/02/2005	CCQ2317H	16	16	7,96	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
9	2123170327	Phạm Thanh	Hoàng	07/04/2005	CCQ2317J	16	16	7,92	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
10	2123170490	Nguyễn Mạnh	Tĩnh	09/11/2005	CCQ2317N	16	16	7,84	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
11	2123170060	Đinh Vũ Quang	Thuận	18/05/2005	CCQ2317B	16	16	7,78	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
12	2123170214	Lão Văn	Hùng	01/02/2005	CCQ2317G	16	16	7,69	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
13	2123170480	Nguyễn Thanh	Trà	03/10/2003	CCQ2317N	16	16	7,69	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
14	2123170107	Nguyễn Minh	Thành	28/12/2004	CCQ2317D	16	16	7,61	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
15	2123170413	Huỳnh Quốc	Thắng	31/10/2005	CCQ2317L	16	16	7,61	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
16	2123170053	Nguyễn Chí	Ngà	20/04/2005	CCQ2317B	16	16	7,5	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
17	2123170122	Trương Trần Ho	Huy	30/12/2005	CCQ2317D	23	23	7,32	Khá	90	XS	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	

ƠN
 TR
 CAO
 Đ
 TH
 Ồ C

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
18	2123170258	Nguyễn Hữu	Trung	16/04/2005	CCQ2317H	16	16	7,32	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
19	2123170496	Nguyễn Quang	Trường	12/12/2005	CCQ2317N	19	19	7,27	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
20	2123170012	Sỹ Nhật	Quý	01/01/2004	CCQ2317A	16	16	7,26	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
21	2123170118	Phạm Hoàng	Dur	08/04/2005	CCQ2317D	16	16	7,24	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
22	2123170249	Trần Văn Bảo	Duy	13/11/2005	CCQ2317H	16	16	7,2	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
23	2123170074	Võ Thanh	Son	31/07/2005	CCQ2317C	16	16	7,17	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
24	2123170124	Trần Tấn	Minh	07/01/2005	CCQ2317D	16	16	7,16	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
25	2123170139	Nguyễn Huy	Quý	16/01/2005	CCQ2317D	16	16	7,15	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
26	2123170075	Lê Hoàng	Khải	20/01/2005	CCQ2317C	16	16	7,14	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
27	2123170483	Huỳnh Công	Tuấn	18/08/2005	CCQ2317N	16	16	7,13	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
28	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	16	16	7,1	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
29	2123170491	Nguyễn Trường	Duy	25/06/2005	CCQ2317N	16	16	7,09	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
30	2123170403	Hồ Nhật Duy	Lâm	21/09/2005	CCQ2317L	16	16	7,04	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Khóa 48																452.785.000	
Ngành CNKT Cơ khí																133.232.500	
1	2124030028	Phùng Lý	Phước	02/05/2001	CCQ2403A	19	19	8,81	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124030207	Bùi Thanh	Tú	29/05/2006	CCQ2403D	19	19	8,64	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124030029	Quách Đại	Tứ	17/01/2006	CCQ2403A	19	19	8,56	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124030168	Hồ Thanh	Bảo	28/04/2006	CCQ2403E	19	19	8,52	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
5	2124030001	Nguyễn Thanh	Tâm	22/02/2004	CCQ2403A	19	19	8,41	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124030212	Nguyễn Ngọc Ki	Thi	21/10/2006	CCQ2403E	19	19	8,4	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
7	2124030189	Đỗ Quốc	Thịnh	25/12/2006	CCQ2403D	19	19	8,27	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124030214	Lý Như	Kiệt	25/03/2006	CCQ2403B	19	19	8,27	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
9	2124030047	Lương Trọng	Hiếu	17/03/2006	CCQ2403B	19	19	8,25	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
10	2124030198	Đinh Nguyên	Hoàng	11/04/2006	CCQ2403B	19	19	8,2	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
11	2124030220	Hoàng	Vương	21/05/1997	CCQ2403C	21	21	8,2	Giỏi	74	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
12	2124030193	Bùi Anh	Tân	04/03/2006	CCQ2403E	19	19	8,13	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
13	2124030136	Trần Tuấn	Duy	09/06/2006	CCQ2403D	19	19	8,12	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
14	2124030073	Hồ Minh	Sin	27/07/2005	CCQ2403C	19	19	8,11	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
15	2124030012	Đoàn Công	Danh	13/06/2006	CCQ2403A	19	19	8,1	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
16	2124030035	Phí Đăng	Minh	10/12/2006	CCQ2403A	19	19	8,03	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
17	2124030224	Trần Quang	Phú	25/07/2003	CCQ2403E	19	19	8,03	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
18	2124030058	Nguyễn Thanh	Hà	19/03/2006	CCQ2403B	19	19	7,94	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
19	2124030204	La	Tấn	13/01/2005	CCQ2403E	19	19	7,94	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành Công nghệ chế tạo máy																62.335.000	
1	2124040012	Lê Trung	Nhân	08/02/2000	CCQ2404A		18	8,83	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124040101	Lưu Văn	Thuận	21/05/2005	CCQ2404C		21	8,6	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124040112	Nguyễn Phú Duy	Đức	14/11/2006	CCQ2404C		21	8,17	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
3	2124040002	Lê Phước	Lợi	16/05/2000	CCQ2404A		18	7,98	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124040011	Dương Trung	Kiên	15/08/2006	CCQ2404A		18	7,61	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124040089	Phạm Hữu	Tài	03/02/2006	CCQ2404C		21	7,53	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124040072	Võ Minh	Đức	27/11/2006	CCQ2404C		21	7,52	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124040015	Bùi Tuấn	Khang	25/05/2006	CCQ2404A		18	7,42	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124040082	Nguyễn Thành	Duy	14/07/2006	CCQ2404C		21	7,4	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành CNKT Cơ điện tử																71.240.000	
1	2124140004	Nguyễn Trường	Ngoan	01/11/2006	CCQ2414A		16	9,14	XS	98	XS	Đạt	Xuất sắc	1.370.000	5	7.535.000	
2	2124140110	Lê Tuấn	Kiệt	21/07/2006	CCQ2414B		19	8,97	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124140117	Ngô Đại	Nghĩa	16/12/2006	CCQ2414B		19	8,79	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124140118	Phạm Trọng	Tuấn	02/02/2006	CCQ2414C		19	8,39	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124140112	Nguyễn Thành	Đạt	23/06/2005	CCQ2414A		19	8,33	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124140124	Trần Hùng Chí	Vỹ	12/05/2006	CCQ2414C		19	8,24	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
7	2124140001	Đỗ Minh	Thuận	07/07/2006	CCQ2414A		16	8,18	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
8	2124140043	Phan Quang	Thuy	20/05/2006	CCQ2414B		16	8,09	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124140061	Võ Thành	Đạt	04/05/2006	CCQ2414B		16	8,03	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124140028	Lê Phạm Hữu	Thắng	16/06/2006	CCQ2414A		16	8	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành CNKT Ô tô																185.977.500	
1	2124170019	Võ Nhựt	Hào	31/08/2006	CCQ2417A	22	22	8,16	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
2	2124170083	Nguyễn Văn	Trường	09/02/2003	CCQ2417C	22	22	8,15	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124170051	Lê Minh	Thiên	13/04/2006	CCQ2417B	22	22	8,14	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124170098	Trương Hồng	Phúc	16/06/2006	CCQ2417C	22	22	8,02	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124170229	Nguyễn Việt	Thiện	07/12/2006	CCQ2417G	22	22	7,95	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124170012	Võ Quý	Thế	21/05/2006	CCQ2417A	22	22	7,92	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124170226	Phạm Lê Quang	Minh	17/05/2006	CCQ2417G	22	22	7,86	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124170276	Nguyễn Ngọc K	Trình	11/01/2004	CCQ2417H	22	22	7,85	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124170114	Nguyễn	Pháp	18/05/2006	CCQ2417D	22	22	7,83	Khá	83	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124170132	Phan Văn	Tiến	20/10/2006	CCQ2417D	22	22	7,81	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124170050	Nguyễn Quốc	Trung	14/07/2006	CCQ2417B	22	22	7,8	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
12	2124170054	Trần Tấn	Huynh	10/04/2006	CCQ2417B	22	22	7,74	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
13	2124170295	Vũ Văn	Nguyên	02/02/2005	CCQ2417H	22	22	7,73	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
14	2124170069	Huỳnh Hữu	Luân	01/01/2006	CCQ2417B	22	22	7,7	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
15	2124170242	Đào Ngọc	Cảm	29/03/2006	CCQ2417G	22	22	7,7	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
16	2124170137	Đỗ Tấn	Lộc	13/04/2006	CCQ2417D	22	22	7,65	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
17	2124170243	Võ Minh	Sang	02/03/2006	CCQ2417G	22	22	7,63	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
18	2124170174	Lê Văn	Toàn	07/02/2006	CCQ2417E	22	22	7,6	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
19	2124170237	Nguyễn Hiếu	Trọng	27/01/2006	CCQ2417G	22	22	7,47	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
20	2124170029	Nguyễn Tấn	Tài	05/10/2006	CCQ2417A	22	20	7,45	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
21	2124170086	Nguyễn Văn	Đồng	21/04/2006	CCQ2417C	22	22	7,45	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
22	2124170018	Nguyễn Minh	Vũ	13/03/2006	CCQ2417A	22	22	7,43	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
23	2124170126	Lê Bằng	Nam	16/11/2006	CCQ2417D	22	22	7,41	Khá	81	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
24	2124170108	Lê Anh	Khoa	29/08/2006	CCQ2417D	22	22	7,4	Khá	81	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
25	2124170249	Hồ Thanh	Phúc	18/02/2006	CCQ2417G	22	22	7,39	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
26	2124170093	Nguyễn Hồng	Chương	07/02/2006	CCQ2417C	22	22	7,36	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
27	2124170134	Vũ Đình	Nam	23/07/2006	CCQ2417D	22	22	7,35	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
TỔNG CỘNG:			122													789.795.000	

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	1	2	3
Khóa 47	0	19	35	54
Khóa 48	1	20	44	65
Tổng cộng	1	40	81	122

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6,600,000	0	6,300,000	0	6,000,000	0	-	-	-	-
2	Khóa 47	0	6,380,000	19	6,090,000	13	5,800,000	32	-	115,710,000	75,400,000	191,110,000
3	Khóa 48	2	7,535,000	21	7,192,500	11	6,850,000	34	15,070,000	151,042,500	75,350,000	241,462,500
	Tổng cộng	2		40		24		66	15,070,000	266,752,500	150,750,000	432,572,500

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025**

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 46																
I	Ngành công nghệ thông tin: 0 suất (không sv nào đủ điều kiện xét, chỉ tiêu 10 suất)																
II	Ngành truyền thông và mạng máy tính: 0 suất (không sv nào đủ điều kiện xét, chỉ tiêu 01 suất)																
	Khóa 47																191,110,000
I	Ngành công nghệ thông tin																155,150,000
1	2123110104	Nguyễn Hoài	Tâm	02/01/2005	CCQ2311C	17	17	8.76	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
2	2123110042	Trần Thị Kim	Quý	11/12/2005	CCQ2311B	17	17	8.64	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
3	2123110012	Trần Thị Hồng	Nhung	08/09/1999	CCQ2311A	15	15	8.49	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
4	2123110338	Phạm Đình Minh	Trí	04/09/2005	CCQ2311J	17	17	8.39	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
5	2123110197	Trần Thanh	Sang	03/08/2005	CCQ2311F	23	23	8.35	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
6	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	CCQ2311E	17	17	8.31	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
7	2123110365	Vì Ngọc	Hiệp	03/05/2003	CCQ2311J	17	17	8.29	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
8	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	CCQ2311F	20	20	8.24	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
9	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	CCQ2311F	20	20	8.22	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
10	2123110486	Từ Văn Anh	Trường	04/04/2005	CCQ2311A	23	23	8.18	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
11	2123110163	Đoàn Văn	Đức	27/10/2004	CCQ2311E	23	23	8.11	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
12	2123110285	Hoàng Thanh	Hồng	01/10/2005	CCQ2311H	17	17	8.11	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
13	2123110013	Thái Mộng	Kiều	21/08/2005	CCQ2311A	20	20	8.08	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
14	2123110060	Tô Văn	Hưng	21/02/2005	CCQ2311B	20	20	8.04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
15	2123110046	Lê Võ Nhật	Pin	24/09/2005	CCQ2311B	16	16	8.03	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
16	2123110223	Nguyễn Huỳnh	Phúc	12/10/2004	CCQ2311G	17	17	8.62	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
17	2123110071	Nguyễn Thị Thu	Thùy	23/07/2005	CCQ2311B	20	20	8.17	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
18	2123110503	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	03/12/2005	CCQ2311D	17	17	7.99	Khá	88	Tốt	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
19	2123110273	Nguyễn Hữu	Quang	15/08/2005	CCQ2311H	17	17	7.96	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
20	2123110213	Trần Minh	Phát	30/08/2005	CCQ2311F	23	23	7.87	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
21	2123110180	Trần Trung	Kiên	15/06/2005	CCQ2311E	17	17	7.75	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
22	2123110095	Phan Phước	Hiếu	25/09/2005	CCQ2311C	17	17	7.71	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
23	2123210003	Trần Văn	Khánh	26/07/2004	CCQ2311A	18	18	7.61	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
24	2123110202	Phạm Văn Quỳnh	Phúc	21/06/2004	CCQ2311F	23	23	7.61	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
25	2123110158	Nguyễn Quỳnh T	Vy	20/11/2005	CCQ2311E	17	17	7.55	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
26	2123110174	Ung Thị Thanh	Thảo	06/11/2005	CCQ2311E	17	17	7.55	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
II	Ngành truyền thông và mạng máy tính															35,960,000	
1	2123220034	Nguyễn Ngọc	Thịnh	10/01/2001	CCQ2322A	20	20	8.6	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
2	2123220086	Lê Thanh	Huy	28/07/2005	CCQ2322C	20	20	8.44	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
3	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005	CCQ2322C	20	20	8.25	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
4	2123220009	Mai Hữu	Thành	11/04/2005	CCQ2322A	20	20	8.06	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
5	2123220088	Dương Trung	Vương	06/02/2001	CCQ2322C	20	20	8.67	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
6	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	12/11/2005	CCQ2322C	20	20	8.53	Giỏi	77	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
																241,462,500	
I	Ngành công nghệ thông tin															163,715,000	
1	2124110009	Trần Đức	Phương	10/06/2003	CCQ2411A	20	20	9.19	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1,370,000	5	7,535,000	
2	2124110130	Lê Thanh	Hoàng	08/12/2003	CCQ2411D	20	20	8.71	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
3	2124110270	Trần Mỹ	Tiên	14/07/2006	CCQ2411A	20	20	8.63	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
4	2124110029	Trần Thảo	Sương	31/01/2006	CCQ2411A	20	20	8.58	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
5	2124110108	Nguyễn Lê Tấn	Phúc	19/10/2006	CCQ2411D	20	20	8.55	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
6	2124110014	Lê Võ Hồng	Tuyết	27/06/2006	CCQ2411E	20	20	8.53	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
7	2124110023	Đỗ Minh	Kiệt	01/01/2006	CCQ2411A	20	20	8.46	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
8	2124110267	Phạm Dương Nh	Nam	01/01/2006	CCQ2411B	20	20	8.46	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
9	2124110223	Trần Minh	Dương	13/03/2006	CCQ2411G	20	20	8.39	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
10	2124110019	Phan Văn	Lực	08/09/2006	CCQ2411A	20	20	8.3	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
11	2124110080	Nguyễn Ngọc Mi	Thư	17/01/2006	CCQ2411C	20	20	8.24	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
12	2124110291	Tổng Thái	Phát	29/01/2006	CCQ2411F	20	20	8.23	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
13	2124110134	Trần Hoàng	Lin	12/09/2006	CCQ2411D	20	20	8.18	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
14	2124110072	Trần Thị Ngọc	Nhung	31/01/2006	CCQ2411C	20	20	8.1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
15	2124110059	Phạm Nguyễn M	Trúc	14/07/2006	CCQ2411B	20	20	8.06	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
16	2124110097	Võ Thị Thúy	An	30/11/2006	CCQ2411C	20	20	8.02	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
17	2124110118	Phan Thanh	Phát	03/05/2006	CCQ2411D	20	20	8.01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
18	2124110129	Nguyễn Ngọc	Lâu	28/02/2002	CCQ2411D	20	20	8.67	Giỏi	76	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
19	2124110206	Đỗ Thanh	Thường	12/12/2006	CCQ2411F	20	20	8.47	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
20	2124110334	Huỳnh Nhật	Lâm	01/11/2006	CCQ2411C	20	20	8.28	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
21	2124110301	Nguyễn Thị Than	Diệu	02/11/2006	CCQ2411E	20	20	8.23	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
22	2124110247	Phạm	Đông	05/06/2001	CCQ2411G	20	20	7.97	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
23	2124110070	Huỳnh Công	Hậu	01/01/2005	CCQ2411B	20	20	7.94	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
II	Ngành truyền thông và mạng máy tính															14,385,000	
1	2124220032	Nguyễn Thành	Đạt	15/02/2001	CCQ2422A	17	17	8.38	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
2	2124220018	Lê Thanh	Phúc	22/08/2006	CCQ2422A	17	17	8.19	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
III	Ngành Thiết kế đồ họa															63,362,500	
1	2124350072	Trần Thị Thủy	Tiên	16/10/2002	CCQ2435B	17	17	9.03	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1,370,000	5	7,535,000	
2	2124350033	Phạm Thị Hồng	Hiếu	25/10/2006	CCQ2435A	17	17	8.52	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
3	2124350104	Trần Thị Mai	Hoa	14/08/2006	CCQ2435C	17	17	8.38	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
4	2124350022	Phan Thị Kiều	Trinh	12/10/2006	CCQ2435A	17	17	8.24	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
5	2124350079	Lê Thanh	Thư	15/10/2006	CCQ2435B	17	17	8.86	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
6	2124350078	Nguyễn Công	Giang	05/11/2006	CCQ2435B	17	17	8.51	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
7	2124350065	Ngô Thanh	Vân	06/06/2006	CCQ2435B	17	17	8.05	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
8	2124350075	Hoàng Thanh	Thỏa	24/06/2006	CCQ2435B	17	17	8.02	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
9	2124350024	Ip Quý	Phụng	16/05/2006	CCQ2435A	17	17	8.01	Giỏi	71	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
		TỔNG CỘNG:	66											432,572,500			

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tổng cộng
Khóa 46	0	0	0	-
Khóa 47	0	19	13	32
Khóa 48	2	21	11	34
Tổng cộng	2	40	24	66

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



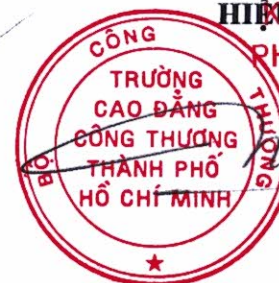
Lê Quang Vinh

KÊ TOÁN TRƯỞNG

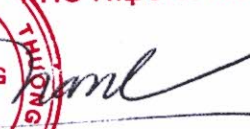


Lê Thị Tâm

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA NGOẠI NGỮ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	0	5.775.000	1	5.500.000	1	-	-	5.500.000	5.500.000
2	Khóa 47	3	5.775.000	6	5.512.500	6	5.250.000	15	17.325.000	33.075.000	31.500.000	81.900.000
3	Khóa 48	1	6.765.000	11	6.457.500	5	6.150.000	17	6.765.000	71.032.500	30.750.000	108.547.500
	Tổng cộng	4		17		12		33	24.090.000	104.107.500	67.750.000	195.947.500

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA NGOẠI NGỮ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1207 /QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46																5.500.000	
Ngành Tiếng Anh																5.500.000	
1	2122240193	Dương Thị Bảo	Chân	26/12/2004	CCQ2224F	17	17	7,01	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
Khóa 47																81.900.000	
Ngành Tiếng Anh																81.900.000	
1	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/09/2003	CCQ2324A	15	15	9,12	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
2	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vi	20/05/2005	CCQ2324F	21	21	9,1	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
3	2123240009	Bá Thị Mỹ	Dáng	16/08/2000	CCQ2324A	20	20	9,08	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
4	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	22/02/2004	CCQ2324A	20	20	8,89	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123240162	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	16/10/2003	CCQ2324F	21	21	8,78	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	CCQ2324F	21	21	8,7	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/12/2005	CCQ2324F	21	21	8,53	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	CCQ2324F	21	21	8,2	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123240014	Trần Thị Kim	Ngân	28/08/2005	CCQ2324A	20	20	8,19	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	CCQ2324F	21	21	8,72	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2123240013	Hà Thị Ánh	Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A	20	20	8,68	Giỏi	72	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
12	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh	Anh	25/09/2005	CCQ2324B	20	20	8,62	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
13	2123240096	Trình Nguyễn Thuý	My	07/10/2003	CCQ2324D	15	15	8,61	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
14	2123240120	Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2003	CCQ2324D	15	15	8,53	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
15	2123240153	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	27/06/2005	CCQ2324E	21	21	8,52	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Khóa 48																108.547.500	
Ngành Tiếng Anh																89.175.000	
3	2124240069	Vũ Duy	Bách	27/05/2004	CCQ2424B	21	21	9,09	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.230.000	5	6.765.000	
1	2124240007	Lâm Thị Như	Ý	01/06/2004	CCQ2424A	21	21	9,49	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124240149	Phan Đức	Mạnh	11/12/2001	CCQ2424A	21	21	9,23	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124240060	Cáp Khánh	Hằng	06/07/2003	CCQ2424B	21	21	9,08	Xuất sắc	83	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124240019	Nguyễn Minh	Phượng	29/01/2003	CCQ2424A	21	21	8,64	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124240058	Cao Thị Thúy	Vân	04/11/2004	CCQ2424B	21	21	8,52	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124240090	Bùi Đặng Quang	Trung	25/10/2005	CCQ2424C	21	21	8,41	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124240091	Trần Thị Kiều	Trình	19/09/2004	CCQ2424C	21	21	8,36	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124240087	Nguyễn Văn	Thịnh	17/02/2006	CCQ2424C	21	21	8,24	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124240095	Nguyễn Phương	Trâm	13/08/2006	CCQ2424C	21	21	8,91	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
11	2124240096	Lê Ngọc Thanh	Trúc	03/03/2006	CCQ2424C	21	21	8,32	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
12	2124240105	Đỗ Quốc	Việt	12/09/2006	CCQ2424C	21	21	8,16	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124240025	Trần Thị	Hằng	03/02/1990	CCQ2424A	21	21	8,12	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124240124	Lã Minh	Trí	12/11/2006	CCQ2424C	21	21	7,9	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Ngành Tiếng Hàn																19.372.500	
1	2124360006	Lương Thị Ngọc	Điệp	03/05/1983	CCQ2436A	16	16	9,25	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124360012	Huỳnh Thi	Đình	08/12/2006	CCQ2436A	16	16	9	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124360004	Nguyễn Minh	Thư	09/09/2005	CCQ2436A	16	16	8,69	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
TỔNG CỘNG:																195.947.500	

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	1	1
Khóa 47	3	6	6	15
Khóa 48	1	11	5	17
Tổng cộng	4	17	12	33

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

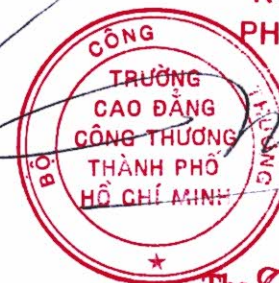
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KHOA ĐIỆN ĐIỆN TỬ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.600.000	2	6.300.000	6	6.000.000	8	-	12.600.000	36.000.000	48.600.000
2	Khóa 47	0	6.380.000	7	6.090.000	20	5.800.000	27	-	42.630.000	116.000.000	158.630.000
3	Khóa 48	0	7.535.000	22	7.192.500	22	6.850.000	44	-	158.235.000	150.700.000	308.935.000
	Tổng cộng	0		31		48		79	-	213.465.000	302.700.000	516.165.000

0

Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi chín triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ths. Trần Vũ Vượng

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KHOA ĐIỆN ĐIỆN TỬ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1267/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 46															48.600.000	
	Ngành Điện công nghiệp															24.600.000	
1	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	15	15	8,19	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	6.300.000	
2	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D	15	15	8,05	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	6.300.000	
3	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	15	15	7,49	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
4	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	16	16	7,35	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
	Ngành Nhiệt lạnh															24.000.000	
1	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B	15	15	8,19	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
2	2122180121	Nguyễn Đình	Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	15	15	8,08	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
3	2122180105	Hồng Tuấn	Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA	15	15	7,93	Khá	90	XS	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
4	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	15	15	7,55	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
Khóa 47																158.630.000	
Ngành Điện công nghiệp																69.890.000	
1	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	20	20	8,38	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A	20	20	8,08	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	20	20	7,92	Khá	81	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
4	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B	26	26	7,88	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng	Huy	15/09/2005	CCQ2305A	18	18	7,83	Khá	100	XS	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
6	2123050057	Trần Phúc	Hung	18/08/2005	CCQ2305B	20	20	7,8	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
7	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	20	20	7,77	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
8	2123050008	Nguyễn Thái	Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	18	18	7,74	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
9	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	23	23	7,72	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
10	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	23	23	7,63	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
11	2123050009	Nguyễn Thái	Son	02/06/2005	CCQ2305A	18	18	7,58	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2123050019	Nguy Thành	Giảng	01/05/2005	CCQ2305A	26	26	7,57	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành Điện - điện tử																17.400.000	
1	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	26/09/2003	CCQ2306A	19	19	7,93	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123060183	Võ Thái	Bình	02/01/2005	CCQ2306A	22	22	7,87	Khá	81	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
3	2123060065	Hoàng Công	Phong	13/04/2005	CCQ2306A	19	19	7,76	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành Tự động hóa																30.450.000	
1	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A	15	15	8,39	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CCQ2315B	15	15	8,29	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123150095	Trần Vũ Quang	Huy	13/09/2005	CCQ2315C	27	27	8,29	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CCQ2315B	15	15	8,25	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
5	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	26/01/2005	CCQ2315B	22	22	8,11	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
Ngành Nhiệt lạnh																29.290.000	
1	2123180089	Trần Văn	Thương	02/05/2005	CCQ2318C	17	17	8,56	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123180122	Nguyễn Tấn	Phú	07/01/2005	CCQ2318A	17	17	8,32	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
3	2123180090	Nguyễn Văn	Đường	03/03/2005	CCQ2318C	17	17	8,28	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
4	2123180033	Hồ Vũ	Phước	22/03/2002	CCQ2318A	17	17	8,02	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123180109	Trần Quang	Đạt	20/12/2005	CCQ2318C	20	20	7,91	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành Điện tử truyền thông																11.600.000	
1	2123230005	Mai Ngô Kỳ	Anh	13/03/2005	CCQ2323A	20	20	7,49	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123230001	Lê Thanh	Vỹ	25/10/2005	CCQ2323A	17	17	7,21	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Khóa 48																308.935.000	
Ngành Điện - điện tử																91.447.500	
1	2124060106	Phan Trà	My	09/01/2006	CCQ2406C	23	23	8,98	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124060069	Lê Thị Thu	Thảo	29/09/2006	CCQ2406B	23	23	8,73	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124060002	Thiều Quang Tấn	Yên	04/07/2006	CCQ2406A	23	23	8,69	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124060006	Chu Viết	Bảo	04/12/2006	CCQ2406A	23	23	8,49	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124060015	Ngô Công	Hoan	02/11/2006	CCQ2406A	23	23	8,18	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124060110	Phạm Văn	Tiền	21/01/2006	CCQ2406C	23	23	8,15	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
7	2124060109	Đặng Đức	Nam	18/09/2006	CCQ2406C	23	23	8,09	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
8	2124060007	Nguyễn Duy	Quang	30/06/2006	CCQ2406A	23	23	7,92	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124060041	Nguyễn Thành	Viên	10/01/2001	CCQ2406B	23	23	7,9	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124060018	Trịnh Thông	Minh	08/11/2006	CCQ2406A	23	23	7,71	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124060019	Dương Trung	Ngọc	30/05/2006	CCQ2406A	23	23	7,54	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
12	2124060046	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	18/02/2006	CCQ2406B	23	23	7,48	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
13	2124060125	Vũ Đức	Hoà	04/01/2006	CCQ2406A	23	23	7,45	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
		Ngành Tự động hóa														57.540.000	
1	2124150022	Hồ Lê Phước	Quan	18/01/2006	CCQ2415A	18	18	8,69	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124150009	Võ Nguyễn Minh	Hoàng	02/11/2006	CCQ2415A	18	18	8,63	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124150020	Phạm Thành	Xinh	28/12/2003	CCQ2415A	18	18	8,58	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124150077	Đồng Phước	Chiến	09/12/2006	CCQ2415A	18	18	8,27	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124150019	Văn Tấn	Duy	25/03/2006	CCQ2415A	18	18	8,1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124150003	Ngô Quốc	Huy	13/10/2006	CCQ2415A	18	18	8,09	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
7	2124150016	Võ Thanh	Nguyên	12/09/2006	CCQ2415A	18	18	8,01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
8	2124150060	Đoàn Tấn	Bảo	18/04/2006	CCQ2415B	18	18	8,01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
Ngành Nhiệt lạnh																62.677.500	
1	2124180063	Đoàn Kim	Quyên	20/09/2006	CCQ2418B	18	18	8,41	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
2	2124180092	Phạm Nhựt	Duy	23/01/2006	CCQ2418A	18	18	8,38	Giỏi	84	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124180057	Nguyễn Thanh	Tâm	13/02/2006	CCQ2418B	18	18	8,3	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124180089	Hàn Văn	Hải	19/01/2005	CCQ2418A	18	18	8,22	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124180001	Nguyễn Phạm Đan	Trường	11/11/2006	CCQ2418A	18	18	7,87	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124180047	Nguyễn Văn	Đạt	08/06/2006	CCQ2418B	18	18	7,87	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124180067	Trần Quốc	Hữu	19/11/2006	CCQ2418B	18	18	7,8	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124180018	Đạo Quốc	Thảo	07/02/2006	CCQ2418A	18	18	7,76	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124180006	Dương Công	Toàn	03/02/2005	CCQ2418A	18	18	7,73	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành Điện tử truyền thông																21.577.500	
1	2124230035	Nguyễn Trọng	Huy	30/06/2006	CCQ2423A	19	19	8,68	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
2	2124230031	Nguyễn Cao	Toàn	22/09/2006	CCQ2423A	19	19	8,36	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124230014	Lê Thị Trà	My	25/02/2006	CCQ2423A	19	19	8,29	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
Ngành Điện công nghiệp																61.992.500	
1	2124330110	Vũ Văn	Hợp	09/10/1999	CCQ2433A	21	21	9,06	Khấu sấu	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124330010	Nguyễn Thành	Toàn	10/11/2006	CCQ2433A	21	21	8,59	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
3	2124330001	Khổng Bảo	Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	21	21	8,53	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124330057	Nguyễn Mạnh	Thắng	03/04/2006	CCQ2433B	21	21	8,28	Giỏi	74	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124330092	Phạm Minh	Trí	25/06/2006	CCQ2433B	21	21	8,24	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124330036	Huỳnh Nguyễn Hữu	Quý	16/06/2005	CCQ2433A	15	15	8,22	Giỏi	72	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124330037	Nguyễn Tấn	Phong	01/02/2006	CCQ2433A	21	21	8,16	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124330012	Dương Hữu	Bảo	22/09/2004	CCQ2433A	21	21	7,98	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124330095	Nguyễn Hồng	Phúc	04/07/2006	CCQ2433B	21	21	7,75	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành CN Kỹ thuật và điều hòa không khí: Suất																13.700.000	
1	2124340017	Nguyễn Phước	Hưng	22/05/2006	CCQ2434A	19	19	7,62	Khá	77	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
2	2124340020	Nguyễn Trần Bá	Duy	05/05/2006	CCQ2434A	19	16	7,01	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
TỔNG CỘNG:			79													516.165.000	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	2	6	8
Khóa 47	0	7	20	27
Khóa 48	0	22	22	44
Tổng cộng	0	31	48	79

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vương

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THỜI TRANG
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.600.000	0	6.300.000	0	6.000.000	0	-	-	-	-
2	Khóa 47	0	6.380.000	6	6.090.000	1	5.800.000	7	-	36.540.000	5.800.000	42.340.000
3	Khóa 48	0	7.535.000	4	7.192.500	8	6.850.000	12	-	28.770.000	54.800.000	83.570.000
	Tổng cộng	0		10		9		19	-	65.310.000	60.600.000	125.910.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm mười ngàn đồng

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THỜI TRANG
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025**

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 47															42.340.000	
	Ngành công nghệ da giày															12.180.000	
1	212307000	Phạm Thị Huyền	Trâm	23/12/2005	CCQ2307A	22	22	8,46	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	212307001	Lưu Thị Ngọc	Ánh	16/03/2005	CCQ2307A	22	22	8,45	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
	Ngành công nghệ may															24.070.000	
1	212313002	Phan Thị Ngọc	Nhi	04/11/2005	CCQ2313A	17	17	8,65	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	212313006	Huỳnh Kim	Hòa	23/02/2005	CCQ2313C	17	17	8,31	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	212313001	Nguyễn Thị Hồng	Anh	08/05/2005	CCQ2313A	17	17	8,16	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
4	212313004	Hồ Thị Phương	Thảo	09/01/2005	CCQ2313B	17	17	8,04	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
	Ngành Thiết kế thời trang															6.090.000	
1	212329001	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	CCQ2329A	18	18	8,51	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 48															83.570.000	
	Ngành công nghệ da giày															14.385.000	
1	212407001	Đặng Hoàng	Phúc	14/08/2006	CCQ2407A	17	17	8,24	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	212407000	Ngô Đình	Tây	03/03/2006	CCQ2407A	17	17	8,11	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
	Ngành công nghệ may															54.800.000	
1	212413006	Trần Thị Hồng	Hạnh	26/10/2006	CCQ2413B	21	21	8,74	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
2	212413002	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	05/01/2006	CCQ2413A	21	21	8,7	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
3	212413005	Vũ Thị Xuân	Hiền	11/04/2006	CCQ2413B	18	18	8,52	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	212413001	Trần Thị Tuyết	Nhơn	08/01/2006	CCQ2413A	21	21	8,26	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	212413000	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/10/2006	CCQ2413A	21	21	8,23	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	212413006	Nguyễn Thị Duy	Hằng	15/03/2004	CCQ2413B	18	18	8,11	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	212413002	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/06/2006	CCQ2413A	21	21	8,04	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	212413003	Nguyễn Minh	Trọng	29/08/2006	CCQ2413B	21	21	7,39	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
	Ngành Thiết kế thời trang															14.385.000	
1	212429000	Ngô Nguyễn Hà	Linh	05/11/2003	CCQ2429A	21	21	8,38	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
2	212429000	Trương Thị Thảo	Ly	06/06/2005	CCQ2429A	21	21	8,34	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
			TỔNG CỘNG:	19												125.910.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm mười ngàn đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tổng cộng
Khóa 46	0	0	0	0
Khóa 47	0	6	1	7
Khóa 48	0	4	8	12
Tổng cộng	0	10	9	19

NGƯỜI LẬP



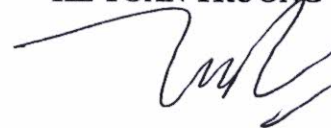
Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA DU LỊCH
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	0	5.775.000	0	5.500.000	0	-	-	-	-
2	Khóa 47	0	5.775.000	10	5.512.500	17	5.250.000	27	-	55.125.000	89.250.000	144.375.000
3	Khóa 48	0	6.765.000	22	6.457.500	5	6.150.000	27	-	142.065.000	30.750.000	172.815.000
4	Khóa 46 - CNTP	0	6.600.000	0	6.300.000	0	6.000.000	0	-	-	-	-
5	Khóa 47- CNTP	0	6.380.000	12	6.090.000	1	5.800.000	13	-	73.080.000	5.800.000	78.880.000
6	Khóa 48- CNTP	0	7.535.000	6	7.192.500	11	6.850.000	17	-	43.155.000	75.350.000	118.505.000
	Tổng cộng	0		50		34		84	-	313.425.000	201.150.000	514.575.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Ths. Trần Vũ Vượng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA DU LỊCH
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 47	Ngành Công nghệ thực phẩm														78.880.000	
1	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	19/01/2005	CCQ2321D	16	16	8,92	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123210089	Lê Thị Ý	Thơm	06/12/2005	CCQ2321C	16	16	8,78	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123210036	Trần Thị Minh	Thư	09/10/2005	CCQ2321A	19	19	8,59	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123210118	Hồ Thị	Diệu	04/04/2005	CCQ2321D	19	19	8,55	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
5	2123210019	Nguyễn Thị Minh	Thuỳ	29/07/2005	CCQ2321A	19	19	8,46	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
6	2123210133	Nguyễn Thị Yến	Khoa	13/10/2005	CCQ2321D	16	16	8,34	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
7	2123210191	Trịnh Vũ	Duy	03/06/2004	CCQ2321E	16	16	8,21	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
8	2123210190	Lê Thị	Duyên	28/11/2003	CCQ2321E	16	16	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
9	2123210090	Nguyễn Thanh	Tuyền	01/09/2005	CCQ2321C	16	16	8,09	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
10	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	06/04/2005	CCQ2321D	16	16	8,08	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2123210073	Phạm Thu	Duyên	20/07/2005	CCQ2321C	16	16	8,03	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
12	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	26/10/2005	CCQ2321B	19	19	8,01	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
13	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	18/03/2005	CCQ2321B	19	19	8,63	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Khóa 48		Ngành Công nghệ thực phẩm														118.505.000	
1	2124210170	Nguyễn Thị Xuân	Hương	07/02/1999	CCQ2421B	22	22	8,71	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124210159	Trần Thị Như	Ý	13/07/2006	CCQ2421D	22	22	8,59	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124210005	Phạm Khánh	Quỳnh	29/08/2003	CCQ2421A	22	22	8,49	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124210040	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	10/04/2006	CCQ2421B	22	22	8,19	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124210023	Hồ Thị Kim	Oanh	06/03/2006	CCQ2421A	22	22	8,16	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124210156	Nguyễn Thị Thúy	Duy	15/02/2006	CCQ2421B	22	22	8,14	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
7	2124210174	Nguyễn Ngọc	Thanh	15/01/1978	CCQ2421C	22	22	8,57	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124210139	Hồ Ngọc Lan	Tường	08/05/2006	CCQ2421D	22	22	8,42	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124210148	Nguyễn Thị Thúy	Vi	18/08/2006	CCQ2421D	22	22	8,36	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124210087	Đặng Thanh Hồng	Lam	08/08/2006	CCQ2421C	22	22	8,17	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124210140	Nguyễn Hồ Ngọc	Yến	12/10/2006	CCQ2421D	22	22	8,16	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
12	2124210009	Nguyễn Thị Xuân	Uyên	05/11/2006	CCQ2421A	22	22	8,15	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
13	2124210012	Hà Minh	Thơ	18/12/2006	CCQ2421A	22	22	8,13	Giỏi	72	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
14	2124210107	Trần Thị Thanh	Trâm	25/12/2006	CCQ2421D	22	22	8,13	Giỏi	77	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
15	2124210154	Phạm Tường	Vi	12/01/2006	CCQ2421D	22	22	7,97	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
16	2124210157	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	03/05/2006	CCQ2421D	22	22	7,94	Khá	100	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
17	2124210095	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	13/01/2006	CCQ2421C	22	22	7,92	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Khóa 47																144.375.000	
Ngành Quản trị khách sạn																75.075.000	
1	2123260127	Phùng Thị Minh	Phượng	24/06/2003	CCQ2326D	18	18	9,02	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123260039	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	10/02/2005	CCQ2326B	16	16	8,51	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123260072	Nguyễn Võ Gia	Hân	04/07/2005	CCQ2326C	18	18	8,51	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123260147	Huỳnh Thị Ánh	Xuân	30/01/2005	CCQ2326E	22	22	8,27	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123260091	Trương Ngọc	Dung	30/10/2005	CCQ2326C	18	18	8,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123260090	Trương Thúy	Nhã	08/07/2005	CCQ2326C	18	18	8,01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123260176	Nguyễn Huỳnh Thị	Vy	10/11/2005	CCQ2326E	22	22	8,36	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
8	2123260052	Lê Trần Anh	Thư	27/06/2005	CCQ2326B	16	16	8,19	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
9	2123260132	Nguyễn Phi	Châu	12/11/2005	CCQ2326D	18	18	7,89	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
10	2123260112	Hồ Thị Kim	Ngân	24/06/2005	CCQ2326D	21	21	7,88	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
11	2123260096	Thắm Thị Lan	Anh	20/10/2004	CCQ2326C	18	18	7,86	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
12	2123260078	Thạch	Hoa	06/01/2004	CCQ2326C	18	18	7,83	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
13	2123260170	Nguyễn Ngọc Như Ý	Ý	14/07/2005	CCQ2326E	22	22	7,8	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
14	2123260060	Lê Nguyễn Thùy	Dương	19/01/2005	CCQ2326B	16	16	7,71	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
					Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống											69.300.000	
1	2123270104	Nguyễn Thị Thúy	Đoà	17/02/2003	CCQ2327C	20	20	8,65	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123270045	Lý Ánh	Như	27/03/2005	CCQ2327B	18	18	8,24	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123270007	Trương Thị Yến	Như	10/12/2002	CCQ2327A	18	18	8,17	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123270060	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/08/2005	CCQ2327B	18	18	8,1	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123270162	Nguyễn Thị	Đào	05/05/2005	CCQ2327A	18	18	7,98	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
6	2123270084	Võ Phạm Như	Huỳnh	30/11/2005	CCQ2327C	20	20	7,9	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
7	2123270161	Bùi Thị Hồng	Nguyên	21/11/2005	CCQ2327E	17	17	7,88	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
8	2123270088	Nguyễn Văn	Hào	25/04/2005	CCQ2327A	18	18	7,73	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
9	2123270123	Phan Bá	Mạnh	21/05/2005	CCQ2327D	26	24	7,73	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
10	2123270043	Lữ Phạm Châu	Tâm	13/09/2005	CCQ2327B	18	18	7,71	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2123270022	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	30/04/2005	CCQ2327A	18	18	7,66	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
12	2123270003	Nguyễn Vũ Thanh	Trâm	30/06/2002	CCQ2327A	18	18	7,63	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
13	2123270054	Nguyễn Thanh	Thảo	28/06/2004	CCQ2327B	18	18	7,61	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Khóa 48																172.815.000	
Ngành Quản trị khách sạn																88.867.500	
1	2124260007	Lê Hạnh	Tiên	11/12/2006	CCQ2426A	16	16	8,66	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124260026	Nguyễn Ngọc	Phương	14/09/2006	CCQ2426A	16	16	8,54	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124260019	Lê Huỳnh	Như	12/03/2003	CCQ2426A	16	16	8,44	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124260020	Võ Thị Ngọc	Nhi	23/12/2006	CCQ2426A	16	16	8,39	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124260002	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	31/08/2005	CCQ2426A	16	16	8,29	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124260030	Phạm Thị Ngọc	Ánh	26/01/2004	CCQ2426A	16	16	8,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124260132	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/05/2006	CCQ2426D	16	16	8,13	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124260093	Đoàn Văn Phú	Vinh	16/01/2003	CCQ2426C	16	16	8,09	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124260017	Phạm Thị Thu	Thúy	16/09/2006	CCQ2426A	16	16	8,08	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124260134	Võ Thị Thanh	Mai	26/02/2006	CCQ2426D	16	16	8,15	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
11	2124260011	Hoàng Tấn	Phát	15/11/2006	CCQ2426A	16	16	7,94	Khá	81	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2124260058	Lê Đỗ Linh	Nhi	23/06/2006	CCQ2426B	16	16	7,92	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124260173	Vũ Minh	Quân	26/02/2001	CCQ2426C	21	21	7,9	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124260113	Ma Thị Uyển	Nhi	10/01/2006	CCQ2426B	16	16	7,89	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: ' suất																83.947.500	
1	2124270010	Nguyễn Hoàng Mir	Mẫn	15/10/2006	CCQ2427A	16	16	8,84	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124270117	Nguyễn Ngọc Quy	Anh	29/06/2005	CCQ2427D	16	16	8,82	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124270101	Đặng Bích	Trâm	30/11/2006	CCQ2427C	16	16	8,78	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124270107	Tô Thị Thanh	Trúc	27/10/2006	CCQ2427C	16	16	8,72	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124270113	Nguyễn Lê Cẩm	Tiên	26/05/2006	CCQ2427D	16	16	8,64	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124270065	Phạm Như	Bình	27/10/2006	CCQ2427B	16	16	8,61	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124270099	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	01/05/2006	CCQ2427C	16	16	8,46	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124270001	Lê Huỳnh	Nhung	29/10/2005	CCQ2427A	16	16	8,29	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124270022	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	06/04/2005	CCQ2427A	16	16	8,24	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124270121	Triệu Thị Huỳnh	Dao	22/01/2006	CCQ2427D	16	16	8,24	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
11	2124270130	Phạm Mỹ	Linh	28/02/2006	CCQ2427D	16	16	8,22	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124270088	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	08/07/2006	CCQ2427C	16	16	8,18	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
13	2124270102	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	03/07/2006	CCQ2427C	16	16	8,16	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
		TỔNG CỘNG	84													514.575.000	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	0	0
Khóa 47	0	10	17	27
Khóa 48	0	22	5	27
Khóa 46 - CNTP	0	0	0	0
Khóa 47- CNTP	0	12	1	13
Khóa 48- CNTP	0	6	11	17
Tổng cộng	0	50	34	84

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

HIỆU TRƯỞNG



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

THƯỜNG

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KINH TẾ TÀI CHÍNH
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	0	5.775.000	0	5.500.000	0	-	-	-	-
2	Khóa 47	5	5.775.000	34	5.512.500	6	5.250.000	45	28.875.000	187.425.000	31.500.000	247.800.000
3	Khóa 48	3	6.765.000	40	6.457.500	20	6.150.000	63	20.295.000	258.300.000	123.000.000	401.595.000
	Tổng cộng	8		74		26		108	49.170.000	445.725.000	154.500.000	649.395.000

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KINH TẾ TÀI CHÍNH
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1207/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 47															247.800.000	
	Ngành Kế toán															117.075.000	
1	2123100091	Nguyễn Phạm Kiề	Trinh	22/08/2005	CCQ2310C	17	17	9,55	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
2	2123100141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/10/2002	CCQ2310D	17	17	9,41	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
3	2123100052	Đặng Phạm YẾN	Linh	09/06/2005	CCQ2310B	22	22	9,33	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
4	2123100014	Nguyễn Anh	Kiệt	03/11/2005	CCQ2310A	22	22	9,22	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
5	2123100066	Đặng Trường	Nguyễn	20/07/2005	CCQ2310B	22	22	9,21	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
6	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	CCQ2310A	22	22	9,61	Xuất sắc	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123100062	Trần Ngọc YẾN	Vy	16/01/2004	CCQ2310B	22	22	9,55	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123100245	Nguyễn Nhật Thu	Trang	12/03/2005	CCQ2310G	17	17	9,49	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123100103	Bùi Thị Thu	Trang	14/10/2004	CCQ2310C	19	19	9,43	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	CCQ2310B	22	22	9,4	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
11	2123100001	Bùi Thị Mỹ	Quê	20/11/1998	CCQ2310A	20	20	9,37	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2123100223	Lê Thị Anh	Thư	13/03/2005	CCQ2310B	22	22	9,03	Xuất sắc	82	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
13	2123100122	Nguyễn Lê Uyên	Phương	02/09/2005	CCQ2310D	17	17	8,99	Giỏi	93	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
14	2123100145	Trần Thị Yến	Như	09/03/2005	CCQ2310D	17	17	8,99	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
15	2123100121	Nguyễn Lê Phươn	Trinh	28/02/2005	CCQ2310D	17	17	8,88	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
16	2123100257	Hồ Thị Ngọc	Dung	10/06/2005	CCQ2310C	19	19	8,88	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
17	2123100046	Võ Hồng	Ngọc	01/04/2005	CCQ2310B	22	22	8,82	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
18	2123100119	Hồ Thị Thanh	Thúy	27/01/2005	CCQ2310D	17	17	8,78	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
19	2123100003	Nguyễn Thùy	Dương	08/05/1999	CCQ2310A	20	20	8,73	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
20	2123100111	Phạm Huỳnh Thar	Thúy	21/09/2005	CCQ2310D	22	22	8,72	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
21	2123100050	Hồ Thị Huế	Trân	15/09/2005	CCQ2310B	22	22	8,71	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
	Ngành Tài chính ngân hàng															54.337.500	
1	2123190002	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	08/02/2003	CCQ2319A	17	17	8,74	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123190120	Huỳnh Nguyễn Th	Ngân	20/10/2004	CCQ2319B	17	17	8,73	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123190084	Phan Thị Ái	Linh	06/10/2005	CCQ2319C	20	20	8,65	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123190021	Lê Thị Trà	My	26/01/2005	CCQ2319A	17	17	8,56	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123190098	Đặng Thảo	Nguyên	28/05/2005	CCQ2319C	20	20	8,35	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123190121	Phạm Quốc	Tuấn	25/03/2005	CCQ2319C	22	22	8,35	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123190119	Bùi Thị Hồng	Nhuận	29/12/2003	CCQ2319A	20	17	8,11	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123190006	Trần Thị Mỹ	Hoàng	08/09/2003	CCQ2319A	17	17	8,64	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
9	2123190116	Trần Trà	My	26/12/2003	CCQ2319A	17	17	8,31	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
10	2123190029	Ngô Lê Uyên	Nhi	07/04/2005	CCQ2319A	23	23	7,92	Khá	78	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Ngành Logictis																76.387.500	
1	2123300046	Nguyễn Huỳnh	Như	12/11/2005	CCQ2330B	25	25	8,8	Giỏi	98	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123300045	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/12/2005	CCQ2330B	22	22	8,55	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123300063	Võ Thị Thùy	Duyên	22/05/2005	CCQ2330B	22	22	8,42	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123300110	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	21/10/2005	CCQ2330D	25	25	8,41	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123300067	Huỳnh Trần	Quyển	25/05/2005	CCQ2330B	22	22	8,39	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123300027	Đặng Hoài Thiên	Kiều	22/09/2004	CCQ2330A	24	24	8,32	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123300097	Nguyễn Thị Phước	Khánh	09/03/2005	CCQ2330C	25	25	8,13	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123300037	Ung Thị Phương	Dung	15/09/2005	CCQ2330B	22	22	8,1	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123300069	Huỳnh Thị Kim	Phương	08/06/2005	CCQ2330B	22	22	8,09	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123300078	Nguyễn Ngọc Diễm	Thanh	15/10/2005	CCQ2330A	25	25	8,02	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
11	2123300117	Trần Thị Linh	Đoan	13/12/2005	CCQ2330D	28	28	8	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
12	2123300031	Hoàng Thị Khánh	Ngân	12/10/2005	CCQ2330A	22	22	8,38	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
13	2123300132	Nguyễn Trọng	Lưu	10/09/2005	CCQ2330D	25	25	8,2	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
14	2123300068	Phan Thị Thúy	Liên	29/05/2005	CCQ2330B	22	22	8,01	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Khóa 48																401.595.000	
Ngành Kế toán																168.510.000	

ĐƠN
 TR
 CAC
 ONG
 THA
 HO C

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
1	2124100134	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	06/10/2006	CCQ2410D	19	19	9,02	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.230.000	5	6.765.000	
2	2124100090	Phạm Thị	Thương	08/10/2001	CCQ2410C	19	19	9,02	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.230.000	5	6.765.000	
3	2124100014	Nguyễn Thị	Nhàn	28/04/2004	CCQ2410A	19	19	9,01	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.230.000	5	6.765.000	
4	2124100226	Bùi Đức	Tùng	21/01/2000	CCQ2410E	19	19	8,92	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124100023	Nguyễn Thị	Yến	10/11/1999	CCQ2410A	19	19	8,84	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124100194	Nguyễn Thị Ngọc	Mơ	03/06/2006	CCQ2410F	19	19	8,7	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124100214	Trần Lê Huyền	Trâm	17/10/2006	CCQ2410F	19	19	8,68	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124100010	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	04/07/2003	CCQ2410A	19	19	8,64	Giỏi	82	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124100228	Lê Thị Anh	Thư	28/06/2003	CCQ2410B	19	19	8,5	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124100230	Trương Thị	Hạnh	02/10/2000	CCQ2410A	19	19	8,49	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
11	2124100069	Hồ Thị	Lượng	19/01/2006	CCQ2410B	19	19	8,48	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124100223	Nguyễn Thị Diễm	Hương	04/10/2006	CCQ2410B	19	19	8,37	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
13	2124100156	Trần Thị Mai	Thanh	13/06/2005	CCQ2410E	19	19	8,32	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
14	2124100212	Nguyễn Thị Thanh	Vy	11/10/2006	CCQ2410F	19	19	8,22	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
15	2124100195	Kiều Nữ Thủy	Tiên	10/10/2006	CCQ2410F	19	19	8,21	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
16	2124100180	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	16/04/2006	CCQ2410F	19	19	8,19	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
17	2124100002	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/07/1997	CCQ2410A	17	17	8,17	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
18	2124100161	Trần Thị Hoàng	Vy	06/10/2006	CCQ2410E	19	19	8,15	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
19	2124100126	Trào Thị Thúy	Quyên	28/08/2006	CCQ2410D	19	19	8,06	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
20	2124100190	Trương Thị Thu	Hương	26/05/2006	CCQ2410F	19	19	8,06	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
21	2124100080	Nguyễn Thị Thu	Phượng	14/11/2005	CCQ2410C	19	19	8,05	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
22	2124100186	Nguyễn Thị Kim	Chi	27/12/2006	CCQ2410F	19	19	8,04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
23	2124100086	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	12/05/2006	CCQ2410C	19	19	8,03	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
24	2124100101	Nguyễn Lê Ngọc	Ánh	20/11/2006	CCQ2410C	19	19	8,03	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
25	2124100189	Biều Thị Ngọc	Thư	17/05/2006	CCQ2410F	19	19	8,01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
26	2124100177	Nguyễn Quang	Duy	11/02/2006	CCQ2410E	19	19	8,36	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
Ngành Tài chính ngân hàng																81.795.000	
1	2124190024	Thọ Nữ An	Phận	14/11/2003	CCQ2419A	18	18	8,88	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124190080	Trần Thị Thanh	Thảo	22/07/2006	CCQ2419C	18	18	8,6	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124190096	Nguyễn Thị Thuỳ	Trâm	02/01/2006	CCQ2419C	18	18	8,62	Giỏi	77	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
4	2124190001	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	28/02/2005	CCQ2419A	18	18	8,33	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124190041	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	30/12/2006	CCQ2419B	18	18	8,34	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124190034	Nguyễn Thị Hoài	Vân	12/01/2006	CCQ2419A	18	18	8,07	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124190044	Phạm Lê Quỳnh	Hương	25/06/2006	CCQ2419B	18	18	8,07	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
8	2124190056	Quách Đỗ Tiến	Đạt	10/03/2006	CCQ2419B	18	18	8,11	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124190065	Nguyễn Sĩ	Quý	25/05/2006	CCQ2419B	18	18	7,96	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
10	2124190101	Trần Ngọc Anh	Thư	17/02/2006	CCQ2419B	18	18	7,99	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
11	2124190058	Nguyễn Lê Thúy	Vy	08/07/2006	CCQ2419B	18	18	7,92	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2124190107	Võ Hồng	Chi	24/06/2006	CCQ2419C	18	18	7,85	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124190091	Phạm Thị Hồng	Trang	23/08/2006	CCQ2419C	18	18	7,83	Khá	78	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
Ngành Logictis																151.290.000	
1	2124300169	Lê Thị Thu	Ngân	29/01/2006	CCQ2430E	22	22	8,83	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124300061	Nguyễn Anh	Thống	21/05/2006	CCQ2430B	22	22	8,67	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124300140	Hồ Ngọc Thanh	Thảo	26/07/2005	CCQ2430D	22	22	8,62	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124300081	Vì Quang	Tuấn	26/01/2006	CCQ2430C	22	22	8,53	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124300068	Trương Thị Diễm	Tuyền	20/11/2006	CCQ2430B	22	22	8,4	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124300184	Huỳnh Mạnh	Cường	23/09/2006	CCQ2430E	22	22	8,35	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124300185	Lê Gia	Huy	02/03/2004	CCQ2430E	22	22	8,34	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124300177	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/12/2006	CCQ2430E	22	22	8,22	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124300102	Văn Thị Diệu	Linh	03/03/2006	CCQ2430C	22	22	8,19	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124300179	Lương Tiến	Dũng	17/02/2003	CCQ2430E	22	22	8,16	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
11	2124300158	Nguyễn Thị	Trang	09/04/2006	CCQ2430E	22	22	8,15	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124300054	Nguyễn Văn	Thông	05/01/2006	CCQ2430B	22	22	8,13	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
13	2124300036	Phạm Thành	Kiệt	21/03/2005	CCQ2430A	22	22	8,47	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124300043	Lê Thị	Giang	05/02/2001	CCQ2430B	22	22	8,41	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
15	2124300162	Bùi Nữ Bình	An	08/01/2005	CCQ2430E	22	22	8,39	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
16	2124300173	Nguyễn Minh	Thành	25/03/2003	CCQ2430E	19	19	8,33	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
17	2124300126	Lê Lan	Thanh	28/06/2004	CCQ2430D	22	22	8,3	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
18	2124300154	Nguyễn Thị Như	Ý	10/06/2006	CCQ2430E	22	22	8,25	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
19	2124300107	Võ Thị Tuyết	Nhi	28/10/2006	CCQ2430D	22	22	8,2	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
20	2124300167	Nguyễn Thị Thu	Huyền	04/02/2006	CCQ2430E	22	22	8,18	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
21	2124300025	Phan Thị	Na	26/07/2002	CCQ2430A	22	22	8,13	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
22	2124300024	Nguyễn Lê Mỹ	Duyên	14/01/2006	CCQ2430A	22	22	8,06	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
23	2124300006	Lê Thị Mi	Ni	20/02/2003	CCQ2430A	22	22	7,83	Khá	100	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
24	2124300121	Trần Lê Hạnh	Quyên	07/11/2006	CCQ2430D	22	22	7,83	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
		TỔNG CỘNG:	108													649.395.000	

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	0	0
Khóa 47	5	34	6	45
Khóa 48	3	40	20	63
Tổng cộng	8	74	26	108

NGƯỜI LẬP



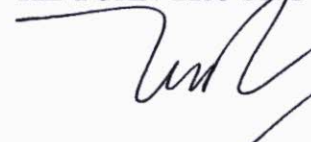
Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




Ths. Trần Vũ Vượng